

CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG HẠNH PHÚC CỦA VƯƠNG QUỐC BHUTAN - GIẢI PHÁP CHO CHÍNH PHỦ VÀ NGƯỜI DÂN VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG CHỈ SỐ HẠNH PHÚC

TS. Nguyễn Thị Giáng Hương

Trường Đại học Lao động - Xã hội

gianghuong.ldxh@gmail.com

TS. Vũ Thị Thanh Thủy

Trường Đại học Lao động - Xã hội

thuyhuong7879@gmail.com

TS. Phạm Thị Thủy

Trường Đại học Lao động - Xã hội

ulsathuy@gmail.com

Tóm tắt: Bhutan là quốc gia nằm trong lục địa Nam Á, nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, được mệnh danh là một trong số các quốc gia có cuộc sống hạnh phúc nhất thế giới, mặc dù có nền kinh tế được xếp vào hạng thấp nhất trên thế giới, thậm chí nghèo đói và mù chữ vẫn còn phổ biến. Dựa vào đâu để đánh giá hạnh phúc của người Bhutan? Đồng thời, ở Việt Nam hiện nay có những chỉ số đo lường đánh giá hạnh phúc như thế nào? Các chỉ số đánh giá về hạnh phúc mà người Bhutan đưa ra và của Việt Nam hiện nay có gì cần phải nghiên cứu để gợi ý cho Chính phủ và người dân Việt Nam trong việc xây dựng chỉ số đo lường và đánh giá về hạnh phúc trong cuộc sống? Tác giả sẽ đưa ra những giải pháp giúp Chính phủ và người dân Việt Nam trong việc xây dựng chỉ số đo lường và cảm nhận, đánh giá về hạnh phúc.

Từ khóa: Hạnh phúc, chỉ số đánh giá hạnh phúc, hạnh phúc của người Bhutan, hạnh phúc của người dân Việt Nam.

THE HAPPINESS INDICATORS OF THE KINGDOM OF BHUTAN AND SOLUTIONS FOR THE VIETNAMESE GOVERNMENT AND PEOPLE IN DEVELOPING THE HAPPINESS INDICATORS

Abstract: Bhutan located in the South Asian continent between India and China and known as one of the happiest countries in the world, despite having the lowest-ranked economy, even its poverty and illiteracy are still popular. On what basis, to judge the happiness of the Bhutanese people? At the same time, what are the indicators to measure happiness in Vietnam today? What should be studied more on the indicators of happiness of Bhutan and Vietnam to suggest a development of indicators of measuring and evaluating happiness in life to the Vietnamese Government and people? The author

recommends some solutions to help the Vietnamese Government and people develop indicators of happiness measurement, perception and evaluation.

Keywords: *happiness, indicators of happiness measurement, happiness of Bhutanese people, happiness of Vietnamese people*

Mã bài báo: JHS - 91

Ngày nhận sửa bài: 12/10/2022

Ngày nhận bài: 22/7/2022

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

Ngày nhận phản biện: 15/8/2022

1. Giới thiệu

Hạnh phúc không chỉ là giá trị cốt lõi mà còn là mục tiêu trong đời sống hàng ngày của con người và xã hội muốn vươn tới. Chính vì vậy mà câu nói nổi tiếng của Thomas Jefferson trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ ngày 4 tháng 7 năm 1776 đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn để mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã khẳng định: “Con người sinh ra đều có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Hiện nay, việc mang lại hạnh phúc cho người dân đã trở thành động lực, phương châm hành động, mục tiêu phấn đấu của Chính phủ và người dân Việt Nam. Do đó, kết quả nghiên cứu về hạnh phúc đã trở thành một trong những căn cứ quan trọng và không thể thiếu để chính phủ Việt Nam ban hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Việc nghiên cứu mô hình quốc gia Bhutan được đánh giá là một trong những quốc gia hạnh phúc nhất trên thế giới để trên cơ sở đó có những đề xuất, kiến giải trong việc xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc của Chính phủ và người dân Việt Nam cần phải tập trung vào các khía cạnh cụ thể nào? Đây là nội dung chính bài báo tập trung giải quyết.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Hạnh phúc với tư cách là đối tượng nghiên cứu của các nhà học thực nghiệm như tâm lý học, xã hội học... Khái niệm hạnh phúc đã được các nhà thần học và triết học ở nhiều trường phái khác nhau bàn luận một cách tiên nghiệm và định tính. Năm 1861 đã có công trình The Science of Happiness do một nhóm tác giả xuất bản tại Luân Đôn của nước Anh được coi là tác phẩm đầu tiên nghiên cứu về hạnh phúc. Sau đó đến các nhà tâm lý học là học giả người Mỹ như Martin Seligman, Edward Diener, Mihaly Csikszentmihalyi là những người có công

trong việc hình thành khoa học về hạnh phúc.

Các nghiên cứu ban đầu về hạnh phúc khá rộng đó là chất lượng cuộc sống (quality of life). Các nghiên cứu về chủ đề này cố gắng xác định xem thế nào là một cuộc sống tốt đẹp và thực tế những yêu cầu đó đã đáp ứng đến đâu? Từ đó tìm ra những điều làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Trường phái nghiên cứu này xuất phát từ tư tưởng của các nhà khai sáng mà theo họ, trọng tâm của cuộc đời con người là cuộc sống của chính họ, chứ không phải phục vụ Vua hay Chúa. Vì vậy, việc cố gắng để đạt được hạnh phúc là giá trị chủ đạo của thời đại và xã hội là một phương tiện để công dân có được cuộc sống tốt đẹp.

Sang thế kỷ XIX, Utilitarian cho rằng một xã hội tốt đẹp là xã hội mang lại cuộc sống hạnh phúc cho nhiều người nhất. Đến thế kỷ XX, quan điểm này được mở rộng và được hiện thực hóa thông qua những cải cách xã hội, do đó nó tác động đến việc xây dựng các nhà nước phúc lợi (Welfare State).

Nghiên cứu về hạnh phúc theo chủ đề được bắt đầu từ thế kỷ XX như nghiên cứu về các chỉ báo xã hội, về sức khỏe liên quan đến chất lượng cuộc sống và về tâm lý tích cực của con người. Kết quả nghiên cứu của một số tác giả tiêu biểu đã được xuất bản vào các năm 1987 (Argyle), 1999 (Diener), 1984, 1995 (Veenhoven), 2006 (Dolan và các tác giả). Từ năm 2000, Tạp chí nghiên cứu về hạnh phúc (Journal of Happiness Studies) đã ra đời.

Cuộc khảo sát đầu tiên đo lường về hạnh phúc được thực hiện ở Mỹ trong những năm 1960. Mục đích của nó là lập biểu đồ về sức khỏe tinh thần. Thời điểm đó, hạnh phúc là một chủ đề trong nghiên cứu quốc gia về những vấn đề cần quan tâm đối với con người của tác giả Cantril (1965). Đến năm 1970, hạnh phúc là tâm điểm của các nghiên cứu về American Social Indicator, ở Đức và các khu

vực thuộc vùng Normandi. Vào những năm 1980, một cuộc khảo sát lịch đại quy mô lần đầu tiên về hạnh phúc được thực hiện ở Australia do hai tác giả Hedy and Wearing thực hiện. Đây có thể được coi là một nghiên cứu biến đổi quan niệm về hạnh phúc của con người ở tầm quốc gia qua các thời kỳ lịch sử khác nhau.

Chỉ số đo đường hạnh phúc của Quỹ Kinh tế mới (Happy planet Index, New Economics Foundation) có trụ sở tại Vương quốc Anh; Báo cáo Hạnh phúc thế giới của mạng giải pháp phát triển bền vững (Win/Gallup International, WB and World Happiness Report of Sustainable Development Solutions Network – SDSN) thuộc Liên hợp quốc phối hợp với Viện Nghiên cứu Trái đất thuộc Đại học Columbia, Mỹ thực hiện.

Ở Việt Nam có tác giả Văn (2019) *“Hạnh phúc của con người Việt Nam: Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá”* đã đưa ra được khái niệm về hạnh phúc và chỉ số đánh giá hạnh phúc của con người Việt Nam. Tác giả đã xây dựng được thành 3 chỉ báo: (1) Sự hài lòng về đời sống kinh tế - vật chất, môi trường tự nhiên; (2) Sự hài lòng về quan hệ gia đình - xã hội; (3) Sự hài lòng về đời sống cá nhân. Trên cơ sở đó đề xuất 33 chỉ báo cơ sở để đo lường trong thực tiễn. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên về hạnh phúc của người Việt Nam.

Hầu hết các công trình nghiên cứu về hạnh phúc ở trên đều tập trung vào các vấn đề: Định nghĩa về hạnh phúc, sự khác biệt văn hóa và hạnh phúc của con người, quan niệm của các tôn giáo về hạnh phúc, các lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu về hạnh phúc, những ứng dụng nghiên cứu về hạnh phúc, hệ thống chỉ số đo lường hạnh phúc của một số nước và tổ chức quốc tế, trong đó có Việt Nam. Nhưng tác giả bằng góc độ nghiên cứu của mình, từ thực tiễn chỉ số đánh giá hạnh phúc của Bhutan - được xem là quốc gia hạnh phúc nhất trên thế giới để có thể khuyến nghị trong xây dựng cũng như đánh giá chỉ số hạnh phúc của người dân Việt Nam và cách mà người dân cảm nhận về hạnh phúc của mình.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp được sử dụng chính trong bài báo là phương pháp phân tích tài liệu có sẵn, bao gồm các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến nội dung nghiên cứu của bài báo nhằm tìm hiểu các quan niệm khác nhau về hạnh phúc, phương pháp nghiên cứu hạnh phúc, các lý thuyết sử dụng

trong nghiên cứu hạnh phúc, trong đó đặc biệt chú ý đến chỉ số đo lường hạnh phúc của Vương quốc Bhutan. Qua đó phân tích, đánh giá về các chỉ số hạnh phúc của Bhutan đặt ra để xem họ đánh giá dựa trên những lĩnh vực nào? Cơ sở và căn cứ đưa ra có phù hợp không? Có toàn diện mọi mặt của cuộc sống không? Trên cơ sở đó nhóm tác giả đề xuất những giải pháp cần thiết cho Chính phủ và người dân Việt Nam trong xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của quốc gia mình.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chỉ số đo lường hạnh phúc của Vương quốc Bhutan

Trong những công trình nghiên cứu của các tác giả phương Tây, hạnh phúc thường được giải thích là sự thỏa mãn nhu cầu cá nhân trong một bối cảnh xã hội cụ thể, bao gồm các nhu cầu về vật chất, tinh thần, môi trường tự nhiên và xã hội. Hạnh phúc là mức độ một người đánh giá tổng thể về chất lượng cuộc sống hiện tại của mình, hay nói khác đi là mức độ người đó thấy hài lòng về cuộc sống của mình (OECD, 2013). Tác giả đồng tình với quan niệm về hạnh phúc này của các nhà nghiên cứu và coi đó là công cụ quan trọng trong nghiên cứu về hạnh phúc.

Năm 1972, cựu Vương Bhutan Jigme Singye Wangchuck đưa ra khái niệm “Tổng hạnh phúc quốc gia” (Gross National Happiness – GNH) thay cho khái niệm “Tổng sản phẩm quốc nội – GDP” (Gross Domestic Product). Cách tính GNH khá phức tạp gồm 4 nội dung cơ bản: Kinh tế, văn hóa, môi trường, sự quản lý. Việc đưa các giá trị văn hóa vào chỉ số đo lường hạnh phúc là một điểm rất quan trọng, có thêm tiêu chí định lượng giúp cho việc so sánh hạnh phúc giữa các quốc gia và cộng đồng.

Chính phủ Bhutan không kêu gọi người dân cần phải sống hạnh phúc và bớt đau khổ, bởi hạnh phúc mỗi người cảm nhận là khác nhau. Dù vậy, cuộc sống vẫn có những yếu tố nhất định giúp con người cảm thấy hạnh phúc, lạc quan và tích cực. Ví dụ đơn giản như: bầu không khí trong lành, phong cảnh hữu tình - đây cũng là một yếu tố làm con người dễ cảm thấy thư giãn, thoải mái, bình yên, giúp con người yên tâm sinh sống, làm việc và điều đó cũng làm cho con người cảm thấy hạnh phúc.

Đó cũng chính là những nỗ lực trong công việc của chính phủ Bhutan - tạo điều kiện phát triển những yếu tố như thế, đưa chúng trở thành những giá trị trong cuộc sống mà người dân ai cũng được thụ hưởng và cảm nhận được giá trị đó.

Mỗi năm Chính phủ Bhutan phỏng vấn hơn 8,000 người dân, mỗi người được phỏng vấn trong khoảng một tiếng rưỡi để trả lời 149 câu hỏi xoay quanh đời sống cá nhân. Bạn có bao nhiêu tiền trong tài khoản ngân hàng? Bạn có sở hữu nhà đất gì không? Có thường xuyên bị đau ốm không? Mỗi ngày ngủ được mấy tiếng? ..., những câu hỏi giản đơn như thế đều được tổng hợp phân tích và báo cáo.

Nghĩa là, ở Bhutan có một Bộ gọi là Bộ Hạnh Phúc, mỗi năm cứ chia nhau đi lòng vòng trong đất nước gặp ai cũng hỏi anh chị có hạnh phúc không? Hỏi xong mang về tổng hợp, kết quả có hơn 97% số người được hỏi cảm thấy hài lòng và hạnh phúc với cuộc sống hiện tại của họ. Và việc của họ sẽ là làm sao cho năm sau những con số thu được này sẽ cao hơn, cả về số lượng lẫn chất lượng.

Năm 2010, Trung tâm nghiên cứu Bhutan (Centre for Bhutan Studies - CBS) đã tiến hành một cuộc nghiên cứu dựa trên các chỉ số Gross National Happiness - GNH. Nghiên cứu được tiến hành ở các khu vực nông thôn, đô thị trong tất cả 20 quận/huyện của Bhutan với tổng số 7.142 người dân tham gia trả lời câu hỏi về hạnh phúc. Các câu hỏi nghiên cứu được chia thành 9 lĩnh vực, với 33 chỉ báo. Cụ thể như sau:

(1) Tiêu chuẩn sống (Living Standards):

- Tài sản (Assets)
- Nhà ở (Housing)
- Thu nhập đầu người của hộ gia đình (Household per capita income)

(2) Đời sống tâm lý (Psychological Well-being):

- Sự hài lòng với cuộc sống (Life Satisfaction)
- Cảm xúc tích cực (Positive Emotions)
- Cảm xúc tiêu cực (Negative Emotions)
- Tâm linh (Spirituality)

(3) Sức mạnh cộng đồng (Community Vitality):

- Những tặng vật (thời gian và tiền bạc) (Donations (time and money))

- Quan hệ cộng đồng (Community Relationship)

- Gia đình (Family)
- Sự an toàn (Safety)

(4) Tính đa dạng và cởi mở của văn hóa (Cultural Diversity and Resilience):

- Tiếng mẹ đẻ (Native Language)
- Tham gia văn hóa (Cultural Participation)
- Những kỹ năng về nghề thủ công (Artisan Skills)

- Đạo đức (Conduct)

(5) Sử dụng thời gian (Time Use):

- Thời gian làm việc (Work)
- Thời gian ngủ/ngủ, thư giãn (Sleep)

(6) Quản trị tốt (Good Governance):

- Công việc của Chính phủ (Gov't Performance)
- Các quyền cơ bản (Fundamental Rights)
- Các dịch vụ (Services)
- Sự tham gia chính trị (Political Participation)

(7) Sự đa dạng và biến đổi của môi trường sinh thái (Ecological Diversity and Resilience):

- Những vấn đề sinh thái (Ecological Issues)
- Trách nhiệm đối với môi trường (Responsibility towards environment)

- Sự thiệt hại về động vật hoang dã (Wildlife damage)

- Các vấn đề đô thị hóa (Urbanization Issues)

(8) Sức khỏe (Health)

- Sức khỏe tinh thần (Mental health)
- Sức khỏe bản thân (Self reported health)
- Những ngày khỏe mạnh (Health days)
- Những ngày ốm yếu (Disability)

(9) Giáo dục (Education):

- Biết đọc, biết viết (Literacy)
- Trình độ học vấn (Education Level)
- Sự hiểu biết/tri thức (Knowledge)
- Các giá trị (Values)

Nguồn: World Happiness Report, 2012.

Với cách phân chia thành 9 lĩnh vực như của Bhutan có thể thấy khá toàn diện, đầy đủ, sâu sắc từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần, từ sức mạnh của cá nhân đến sức mạnh của cộng đồng và quan trọng hơn cả đó chính là sự cảm nhận những giá trị đó để con người đạt được hạnh phúc. Đầu tiên người Bhutan quan tâm đến đời sống vật chất (tài sản, nhà ở, thu nhập đầu người của hộ gia

đình), điều này là hết sức hợp lý vì con người trước hết cần phải có ăn, ở, mặc... rồi mới lo được đến các thứ khác được. Nhưng những thứ vật chất ấy như nào để biết là đủ thì lại cần đến sự cảm nhận của mỗi con người. Chính vì vậy, người Bhutan nói đến lĩnh vực thứ 2 cần phải quan tâm đó đời sống tinh thần (sự hài lòng với cuộc sống, cảm xúc: tích cực, tiêu cực và tâm linh). Con người sống phải biết hài lòng với cuộc sống của chính mình và luôn có cảm xúc tích cực có vậy con người mới cảm nhận được hạnh phúc đích thực. Lĩnh vực thứ 3, đó là sức mạnh của cộng đồng (những tảng vật, quan hệ cộng đồng, gia đình, sự an toàn). Ngoài yếu tố thuộc về bản thân mỗi cá nhân thì người Bhutan cũng rất quan tâm đến cộng đồng, bởi hạnh phúc của mỗi cá nhân không thể tách rời khỏi cộng đồng nên họ luôn đánh giá cao các yếu tố thuộc cộng đồng ngay sau mỗi cá nhân. Tiếp đến là lĩnh vực văn hóa, nhưng văn hóa luôn phải thể hiện được tính đa dạng và cởi mở của nó, điều này rất phù hợp với xu thế phát triển của thời đại trong giai đoạn hiện nay. Văn hóa vừa mang nét riêng nhưng lại vừa thể hiện cái chung trong sự phát triển đa dạng để làm nên màu sắc riêng cho mỗi quốc gia dân tộc. Trong đó, họ quan tâm đến tiếng mẹ đẻ, tham gia văn hóa, những kỹ năng về nghề thủ công, đạo đức. Đây là những thứ luôn có giá trị với thời gian và tạo nên sự trường tồn cho mỗi quốc gia, dân tộc.

Tiếp đến thứ năm là sử dụng thời gian, trong đó họ phân định rất rõ về việc thời gian dành cho công việc và thời gian ngủ, nghỉ, thư giãn. Điều đó cho thấy, họ đã quan tâm đến vấn đề cân bằng quỹ thời gian của con người trong cuộc sống như nào? Việc phân chia hợp lý quỹ thời gian vào những hoạt động cụ thể đó sẽ góp phần cho con người đạt được sự thoải mái và cuối cùng mới đến được hạnh phúc ở ngay trong cuộc sống hàng ngày mà mỗi con người đang trải qua. Thứ sáu liên quan đến quản trị tốt, mà quản trị này chủ yếu tập trung ở chính phủ. Chính phủ quản lý công việc của mình như nào? Các quyền cơ bản của người dân được đến đâu? Các dịch vụ cung cấp thế nào? Và sự tham gia chính trị của người dân. Như vậy, người dân được tham gia và thụ hưởng những nội dung đó nên họ sẽ đánh giá một cách chính xác nhất về những nội dung này vì quyền lợi chính đáng củ bản thân họ. Thứ bảy là họ quan tâm

đến sự đa dạng và biến đổi của môi trường sinh thái: Những vấn đề sinh thái, trách nhiệm đối với môi trường, sự thiệt hại về động vật hoang dã, các vấn đề đô thị hóa. Điều này có thể thấy người Bhutan rất quan tâm đến môi trường sống và trách nhiệm của người dân đối với môi trường sống đó như nào? Vấn đề đô thị hóa cũng được đưa ra là một tiêu chí để đánh giá chỉ số hạnh phúc, đây cũng thể hiện tầm nhìn của người Bhutan trước xu thế của quá trình phát triển hiện nay.

Cuối cùng là sức khỏe (sức khỏe tinh thần, sức khỏe bản thân, những ngày khỏe mạnh, những ngày ốm yếu) và giáo dục (biết đọc, biết viết, trình độ học vấn, sự hiểu biết/tri thức, các giá trị). Đây là 2 lĩnh vực quan trọng nhất của con người và xã hội, nhưng cũng là 2 lĩnh vực liên quan trực tiếp đến con người và cũng là lĩnh vực quyết định đến sự phát triển của mỗi quốc gia.

Qua việc Bhutan đưa ra các chỉ số để đo lường hạnh phúc, ta có thể thấy họ quan tâm nhiều đến đầy đủ các mặt của cuộc sống con người, trong đó nhấn mạnh đến đời sống tinh thần và sự cảm nhận của con người về cuộc sống. Với người Bhutan đây mới là giá trị quan trọng quyết định cuộc sống hạnh phúc của con người. Bởi nếu con người có đủ đầy mọi thứ nhưng họ chưa cảm nhận giá trị của cuộc sống và hạnh phúc mình đang có thì họ vẫn cảm thấy chưa thỏa mãn, chưa đạt đến chân giá trị của hạnh phúc. Hạnh phúc của con người không chỉ cần có vật chất hay tinh thần mà còn cần đến sự bằng lòng và thỏa mãn với cuộc sống mà mình đang có. Do đó, con người mới đạt được hạnh phúc đích thực, cuộc sống có ý nghĩa.

Như vậy, các chỉ báo đánh giá về hạnh phúc của Bhutan khá đầy đủ, phản ánh đúng với hiện thực cuộc sống của người dân Bhutan. Đây là một trong những gợi ý khá thú vị cho Chính phủ Việt Nam và bản thân mỗi người dân cảm nhận về cuộc sống hạnh phúc của bản thân. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, khi vừa đối mặt với đại dịch Covid-19, nhiều người đã chứng kiến những nỗi đau, mất mát vô cùng to lớn khi người thân bị dịch bệnh cướp đi sinh mạng, cuộc sống thấy vô thường, danh giới giữa sự sống và cái chết vô cùng mong manh. Hơn nữa, nhiều người không vượt qua được áp lực trong cuộc sống và công việc dẫn đến bi quan, chán nản,

bị stress, có những hành động tiêu cực ảnh hưởng đến cuộc sống và cả tính mạng của bản thân. Họ không biết cuộc sống của bản thân mình cần có gì? Và cảm nhận được thế nào là ý nghĩa và hạnh phúc trong cuộc sống? Họ cảm thấy mình lẻ loi, chơi vơi trong chính cuộc sống đủ đầy về vật chất mà đời sống tinh thần và giá trị cuộc sống lại khó tìm kiếm.

4.2. Chỉ số hạnh phúc của người dân Việt Nam

Theo số kết quả nghiên cứu của đề tài “Hạnh phúc của người Việt Nam: Quan niệm, thực trạng và chỉ số đánh giá” của tác giả Văn đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp quốc gia, mã số ĐTDL.XH-03/05 năm 2018. Đây là công trình đầu tiên của Việt Nam có nghiên cứu công phu và đưa ra được chỉ số đánh giá hạnh phúc của người dân Việt Nam. Với tác giả Văn thì chỉ số hạnh phúc của người Việt Nam được đánh giá theo: (1) Lĩnh vực kinh tế - vật chất, môi trường tự nhiên (Ieco); (2) Lĩnh vực quan hệ gia đình - xã hội (Isr); (3) Lĩnh vực đời sống cá nhân (Iper). Cụ thể trong mỗi lĩnh vực được thể hiện qua các chỉ báo sau đây:

(1) *Lĩnh vực kinh tế - vật chất, môi trường tự nhiên*, được nêu qua các chỉ báo:

- Về bữa ăn của gia đình
- Về việc mặc của bản thân
- Về nhà ở hiện nay
- Về công việc chính đang làm
- Về công việc đang làm
- Về các tiện nghi sinh hoạt
- Về mức thu nhập của bản thân
- Về tài sản và tiền bạc của bản thân
- Về các dịch vụ xã hội của địa phương
- Về môi trường tự nhiên nơi sinh sống
- Về vệ sinh an toàn thực phẩm

(2) *Lĩnh vực quan hệ gia đình - xã hội (Isr)*, có chỉ báo:

- Về sự hòa thuận của gia đình mình
- Về con cháu của mình
- Về quan hệ của mình với họ hàng
- Về quan hệ của mình với láng giềng
- Về quan hệ của mình với bạn bè
- Về quan hệ của mình với nơi làm việc
- Về vị thế/địa vị xã hội của mình
- Về an ninh, an toàn xã hội
- Về thái độ và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương

- Về quyền tự chủ, tự quyết định

- Về quyền tự do, dân chủ của mình

(3) *Lĩnh vực đời sống cá nhân (Iper)*

- Về tình trạng sức khỏe

- Về năng lực của bản thân

- Về trình độ học vấn

- Về việc thể hiện được năng lực của bản thân

- Về khoảng thời gian rỗi dành

- Mức độ tin tưởng vào con người và đời sống

- Về đời sống tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng

- Về những thành công trong cuộc sống

- Về việc làm có ý nghĩa

- Về những mục tiêu trong cuộc sống

- Về khả năng thích ứng của mình

Theo tác giả Văn (2019) thì có 3 lĩnh vực trên thể hiện chỉ số đánh giá hạnh phúc cho người dân Việt Nam, với mỗi lĩnh vực đều có 11 chỉ số để đánh giá về hạnh phúc của người dân. Với các lĩnh vực và chỉ số nêu trên cũng là những căn cứ quan trọng trong đo lường giá trị hạnh phúc của người dân. Tuy nhiên, với các chỉ số trên đây mà tác giả nêu ra, chúng tôi thấy cần phải có những nghiên cứu bổ sung đầy đủ và toàn diện hơn để xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc cho người dân Việt Nam. Theo chúng tôi, hạnh phúc của người dân có được phải có từ hai phía: Chính phủ và người dân cùng tham gia đóng góp xây dựng thì hạnh phúc đó mới đủ đầy. Hơn nữa, hạnh phúc không chỉ đạt được các chỉ số mà còn là sự cảm nhận về các giá trị sống mà người dân có được. Đất nước Bhutan ở trên là một điển hình cho xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc. Chính vì vậy, nhóm tác giả xin đề xuất thêm các nội dung sau trong xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc cho người dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

5. Giải pháp đối với Chính phủ và người dân Việt Nam trong việc xây dựng chỉ số đo lường và đánh giá về hạnh phúc

Trong cuộc sống hiện đại, việc xây dựng chỉ số đo lường hạnh phúc của mỗi quốc gia là cần thiết và quan trọng, nhưng muốn có được chỉ số đánh giá chính xác về hạnh phúc của quốc gia thì cần phải tập trung vào 2 đối tượng: Cơ quan quản lý Nhà nước và bản thân người dân. Có như vậy, các chỉ số đánh giá mới có ý nghĩa và đem lại hiệu quả xác thực trong thực tiễn:

5.1. Đối với Chính phủ Việt Nam

Chính sách của Chính phủ Việt Nam có ảnh hưởng đến chỉ số hạnh phúc của người dân, bởi nó liên quan và quyết định đến điều kiện sống hằng ngày của người dân. Tất cả các chính sách và chương trình phát triển của Chính phủ phải luôn theo phương châm đi liền với cuộc sống của người dân, đặt quyền và lợi ích của người dân lên đầu, đảm bảo tuân thủ các giá trị cốt lõi của chỉ số đo lường hạnh phúc mà Chính phủ theo đuổi và hướng tới. Chính phủ cần xây dựng các bộ công cụ và quy trình giúp người dân tham gia được nhiều nhất đóng góp trực tiếp vào việc xây dựng các chính sách xã hội, chính sách an sinh mang lại giá trị thực tế phục vụ cho cuộc sống của người dân ngày một thêm tốt đẹp.

- Điều đầu tiên là làm cho người dân tin tưởng ở Chính phủ và họ biết chắc chắn rằng Chính phủ đang cố gắng hết sức để vì hạnh phúc của người dân thông qua các chiến lược, chính sách mà Chính phủ ban hành chứ không chỉ thông qua tuyên truyền. Chẳng hạn thông qua đợt dịch bệnh Covid-19, người dân Việt Nam thực sự cảm thấy hạnh phúc và tự hào về mình là người Việt Nam và về những gì mà Chính phủ Việt Nam đang làm để phòng chống dịch bệnh, quan tâm đến tính mạng cũng như các mặt khác trong đời sống hàng ngày của người dân. Đặc biệt những người dân nghèo, dễ bị tổn thương và cũng là đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất trong dịch bệnh Covid-19. Sự tin tưởng, tự hào của người dân đối với Chính phủ của mình chính là hạnh phúc lớn lao nhất mà người dân mong muốn. Chính phủ Việt Nam trong chính sách phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã chiếm trọn cảm tình của người dân không chỉ trong nước mà còn cả trên trường quốc tế (ở giai đoạn đầu của đại dịch). Mặc dù Chính phủ còn rất khó khăn và thiếu thốn, nhưng đã không tính toán thiệt hơn mà đã sẵn sàng vì sinh mạng của người dân mà bảo vệ, trở che cho nên đã tạo được sự đồng lòng, đồng sức của người dân trong công cuộc đấu tranh chống lại dịch bệnh Covid-19. Với những thành công bước đầu đó, Chính phủ đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá rất cao về những chính sách tốt đẹp dành cho người dân.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội một cách

bền vững. Sự phát triển của quốc gia phải đánh giá dựa trên sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội, trong đó tập trung vào các khía cạnh sự nghiệp, sức khỏe, gia đình và giải trí của mỗi người dân sao cho mỗi bước phát triển kinh tế, đi liền với nó là đảm bảo an sinh và tiến bộ xã hội ngày một phát triển tương xứng.

- Chính phủ Việt Nam cần có những chính sách để tăng nguồn thu cho ngân sách thông qua việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng khu vực kinh tế chính thức và có biện pháp hữu hiệu để tránh trốn thuế, thất thu thuế; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, xem xét chính sách thuế thu nhập cá nhân và việc thu thuế thu nhập cá nhân với mục đích khắc phục dần sự chênh lệch giàu, nghèo trong xã hội hiện nay và có đủ ngân sách cần thiết để thực hiện miễn giảm phí dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục; đảm bảo an sinh xã hội ngày một tốt hơn cho người dân, phù hợp với mục tiêu phát triển mà Chính phủ đề ra. Đây cũng được xem là chỉ tiêu đo lường quan trọng về hạnh phúc của người dân trong thực tiễn.

- Chính phủ phải có chiến lược đúng đắn, trọng tâm trước mắt cũng như lâu dài trong việc khai thác nguồn tài nguyên hợp lý. Phải xây dựng môi trường sống trong sạch là điều kiện để con người phát triển đời sống tinh thần. Chính phủ phải xây dựng nhiều công viên, nơi vui chơi giải trí, nơi sinh hoạt cộng đồng cho người dân để họ có môi trường tốt nhất trong việc tái tạo sức lao động và tận hưởng cuộc sống. Đồng thời, phải giáo dục trẻ em ngay từ bé những kiến thức về môi trường, cũng như trách nhiệm phải bảo vệ môi trường là của mọi người. Chính phủ phải có chế tài phạt nặng đủ sức răn đe đối với những người xâm phạm hoặc có hành động phá hoại đến môi trường. Có như vậy, người dân mới có đời sống tinh thần phong phú và mới cảm nhận được cuộc sống hạnh phúc trong môi trường như vậy.

+ Trong chiến lược bảo vệ môi trường Chính phủ cần đưa ra chính sách cấm bán và hút thuốc lá, mặc dù việc này sẽ có ảnh hưởng đến công ăn, việc làm của một số đối tượng trong xã hội. Nhưng vì cuộc sống lâu dài của người dân thì Chính phủ cũng cần thiết phải thay đổi chính sách, phát triển những ngành nghề mới để thu hút lao động và giải

quyết công ăn, việc làm đảm bảo cho người dân khi chuyển đổi nghề nghiệp. Việc gìn giữ môi trường đóng vai trò hết sức quan trọng tới chất lượng cuộc sống cả về mặt vật chất lẫn tinh thần của người dân. Ngoài việc đảm bảo cung cấp những yếu tố không thể thiếu cho cuộc sống như nước sạch và không khí trong lành còn mang lại cho con người những cảm giác yên bình, thanh tịnh trong tâm trí, để ta dễ dàng tìm thấy sự hạnh phúc từ những điều đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

+ Chính phủ phải có chế tài thực hiện nghiêm túc Luật cấm chặt phá cây rừng và giết hại động vật để bảo vệ môi trường sinh thái. Trong đó, đặc biệt coi trọng sự giám sát của người dân để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng đồng thời có như vậy mới mang lại hiệu quả thiết thực.

- Chính phủ cần có chính sách để người dân được tiêu thụ lương thực, thực phẩm an toàn, đảm bảo sự an tâm trong quá trình sử dụng và bảo vệ sức khỏe cho người dân. Tất cả những gì xảy ra ngược lại với điều này đều được xử lý thích đáng theo quy định của pháp luật và thậm chí sẽ bị cấm không được cung cấp ra thị trường.

- Chính phủ cần có chính sách về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, coi đó như một giá trị tinh thần để người dân đạt tới sự hạnh phúc. Trong đó đặc biệt chú đến trang phục và các lễ giáo truyền thống của các cộng đồng dân tộc trong nước. Trên cơ sở đó tạo lên những nét văn hóa độc đáo, phong phú của mỗi dân tộc trong mỗi quốc gia, tạo ra sự hấp dẫn riêng cho mỗi người dân trong việc khám phá văn hóa truyền thống của các dân tộc.

- Chính phủ cần có một cơ quan, tổ chức nghiên cứu về hạnh phúc để giúp cho Chính phủ có được cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng chỉ tiêu đo lường hạnh phúc của người dân. Trên cơ sở đó cũng góp phần giúp Chính phủ trong việc thay đổi các chính sách để mang lại hạnh phúc thực sự cho người dân và cũng qua đó biết được người dân đang cảm nhận về hạnh phúc như nào trong cuộc sống của bản thân họ.

5.2. Đối với người dân Việt Nam

Người dân phải biết cân bằng đời sống vật chất và đời sống tinh thần: Ở thế giới này, chúng ta dành quá nhiều thời gian, công sức, trí tuệ để sở

hữu những thứ vật chất mà chúng ta mong muốn. Chúng ta thấy vui vẻ khi sắm được một chiếc xe hiện đại, một biệt thự hoành tráng với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại và được mặc lên người những bộ quần áo thời trang của những thương hiệu lớn trên thế giới. Nhưng khi phấn đấu để có được những thứ đó thì chúng ta lại thấy căng thẳng, mệt mỏi, trống vắng, mất cân bằng trong cuộc sống và có những nỗi buồn xa xăm. Và rồi chúng ta lại nhận ra một điều chúng ta không cần những thứ đó, chúng ta lại ước mơ, hoài niệm về thời kỳ khó khăn trước đó khi có cuộc sống bình yên mà đáng quý. Chính vì vậy, người dân phải cảm thấy hài lòng với cuộc sống hiện tại, không chỉ chạy theo ham muốn về đời sống vật chất đơn thuần, không bon chen, đổ kỵ và phải biết cân bằng, hạnh phúc mỗi ngày trong cuộc sống. Họ phải xác định phương châm rõ ràng, sống đã là một hạnh phúc. Do vậy, người dân phải giữ được cân bằng trong đời sống vật chất và tinh thần, điều mà họ thật sự cảm thấy vui vẻ. Họ không quan tâm đến việc có một ngôi biệt thự đẹp, chiếc xe mới hiện đại hay có quần áo thời trang và mang danh những thương hiệu lớn hay không? Họ hạnh phúc chỉ vì họ đang tận hưởng cuộc sống của chính mình, với những điều tốt đẹp do chính mình tạo ra và cảm thấy thoải mái về điều đó.

- Xã hội mà người dân ở đó sống thân thiện, tâm luôn hướng làm điều thiện, tránh điều ác, giảm thiểu phân biệt giai cấp, giàu nghèo. Mỗi người dân đều tích cực làm nhiều việc tốt, luôn quan tâm đến những người xung quanh để trở thành người có ích. Lấy niềm vui của người khác làm hạnh phúc của mình. Con người với con người sống gần gũi, hòa đồng, chia sẻ, đùm bọc, gắn bó mật thiết với nhau trong cộng đồng không phân biệt điều kiện xuất thân, địa vị xã hội. Họ tin yêu và thấu hiểu lẫn nhau. Chính vì vậy mà người dân cảm thấy mãn nguyện, hài lòng với cuộc sống mà họ đang có.

- Người dân cần có chế độ nghỉ ngơi hợp lý, khoa học để có một sức khỏe dẻo dai, lao động có năng suất cao và hơn hết là đem lại hạnh phúc, bình yên cho cuộc sống và cảm nhận được ý nghĩa của cuộc sống hạnh phúc. Người dân phải luôn duy trì niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống và sự mãn nguyện với đời sống hiện thực.

- Người dân có ý thức tự giác trong việc bảo vệ

môi trường, coi đó như là sự sống của chính mình, làm cho nó trở thành ý thức tự nhiên trong con người, thậm chí đến lúc không cần có chế tài của Nhà nước. Người dân sẵn sàng tẩy chay những hàng hóa không đảm bảo sức khỏe cho người dân và không bảo vệ môi trường.

- Người dân phải tích cực, tự giác trong việc nâng cao đời sống vật và tinh thần của mình, và biết tự làm cho mình hạnh phúc. Đồng thời, phải luôn tự hào và chủ động, tích cực trong việc truyền, bảo vệ phát huy truyền thống, bản sắc của nền văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc.

Thước đo hạnh phúc lớn nhất của người dân chính sự hài lòng với cuộc sống của mình và trong đó là giá trị tinh thần. Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam không chỉ quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất của người dân, mà còn phải

quan tâm đến cả việc nâng cao đời sống tinh thần, giúp người dân cảm nhận được cuộc sống của họ thật sự hạnh phúc khi có Chính phủ đồng hành. Nhưng để cho người dân cảm nhận được hạnh phúc thì không chỉ có Chính phủ là có thể làm được, mà ở đây người dân cũng phải có được quan niệm, ý thức đầy đủ về hạnh phúc của bản thân mình, có vậy hạnh phúc mới toàn vẹn và đủ đầy. Người dân sẽ vô cùng biết ơn về điều đó và sẽ sẵn sàng đồng hành cùng với Chính phủ trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong những hoàn cảnh khó khăn. Chính phủ mà có được người dân ủng hộ thì Chính phủ ấy nhất định sẽ thành công. Chính vì vậy, khi xây dựng chỉ số đánh giá hạnh phúc thì Chính phủ và người dân phải hết sức quan tâm đến cả hai vấn đề nêu trên để có được thang đo và đánh giá được đầy đủ về hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Carol, G. (2005). The Economics of Happiness: Insights on globalization from a novel approach. *World Economics*, Vol.6, pp.41-55.
- Ma và Howard C. Cutler, M.D. (2016). *Sống hạnh phúc*. Nguyễn Trọng kỳ dịch. NXB Lao động.
- Ed. Diener. (1985). The satisfaction with life scale. *Journal of Personality*, Vol 49.1985.
- Easterlin. (2010). The Happiness-In come Paradox Revisited. *Proceedings of the National Academy of Science*. December 12. 2010.
- Osho. (2012). *Hạnh phúc tại tâm*. NXB Hồng Đức.
- Organization for Economic Cooperation and Development (OECD). (2013). *OECD Guidelines on Measuring Subjective Well-being*.
- Ruut, V. (2003). Happiness. *The Psychologist*, Vol.16, pp.128-129.
- The Science of Happiness. (1861). By A Friend to Hummunity. London: Trubner and Co., 60., Paternoster Row. 1861.141 pp.
- The Earth Institute Columbia University, Canadian Institute For Advanced Research (CIFAR), Centre For Economic Performance. (2012). *World Happiness Report*. Edited by John Halliwell, Richard Layard and Jeffrey Sachs.
- Văn, L.N. (2019) "*Hạnh phúc của con người Việt Nam: Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá*". NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.